

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-PT

Ngày: 22- 02 – 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Bích Vân

*Các Thẩm phán:* 1/ Ông Phạm Hoàng Dũng

2/ Bà Trương Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thành Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 182/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thanh C, Bùi Minh Đ do có kháng cáo của các bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2021/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1. **Lê Thanh C**, sinh năm 1997 tại Cờ Đỏ, Cần Thơ. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành Đ và bà Nguyễn Thị Kim X; vợ tên Nguyễn Thị Anh T và 01 người con (sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

2. **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1985 tại Cờ Đỏ, Cần Thơ. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu N và bà Lê Thị Ngọc M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh Đ:* Luật sư **Hồ Tấn D** – Công ty Luật D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Các bị cáo Lê Thanh C, Bùi Minh Đ đồng là bị hại trong vụ án.

- Người bị hại có kháng cáo:

Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, TP. Cần Thơ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 03/10/2020 Bùi Minh Đ cùng anh Thái Văn S đến quán Q tại ấp A, xã B, huyện C, TP. Cần Thơ do chị Nguyễn Thị P làm chủ để uống rượu. Đ và anh S vào tum số 5 của quán. Trong lúc uống rượu, Đ có thuê thùng loa của chị Nguyễn Thị Anh T để hát. Khi chị T và Lê Thanh C mang loa đến, do đường truyền mạng Wifi yếu, điện thoại của chị T không kết nối được nên chị T không cho mượn. Do đó, chị T và Đ xảy ra cự cãi. Tiếp đó, Đ sử dụng điện thoại của S kết nối mạng Wifi để hát. Khoảng 30 phút sau Đ trả thùng loa cho chị T và tiếp tục cự cãi với chị T và C. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô đến nhà anh Nguyễn Văn A để rủ anh A uống rượu và được anh A đồng ý. Trên đường chở anh A đi đến quán, Đ kể cho anh A nghe chuyện cự cãi với chị T và C. Khi đến quán, A không vào tum mà đi ra ngoài để hỏi việc ai đã ăn hiếp Đ. Tiếp đó, A xuống quán nước cách quán Q khoảng 25m thì gặp chị T và C, A dùng tay đánh C, C và chị T bỏ chạy lên quán Q đến trước cửa nhà bếp của quán, gần để chõ thùng nước đá thì bị Đ cầm thanh sắt dài 1,28m, đường kính 0,8cm đánh vào người của C nhiều cái, đồng thời anh A chạy từ quán nước lên dùng tay đánh C làm C ngã xuống đất, C lấy con dao có cán bằng gỗ dài 10,4cm, lưỡi bằng kim loại bị rỉ sét dài 22,6cm, rộng 10cm để gần thùng nước đá nơi C ngã chém vào người của Đ và anh A gây thương tích cho Đ và anh A. Thấy Đ và anh A bị thương nên C dừng lại. C, Đ và anh A được mọi người chở đi bệnh viện điều trị. Đ và anh A điều trị tại bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang. Đến ngày 05/10/2020 anh A ra viện, ngày 09/10/2020 Đ ra viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 225/TgT, ngày 04/11/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế thành phố Cần Thơ kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Bùi Minh Đ là 23%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 227/TgT, ngày 04/11/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế thành phố Cần Thơ kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Nguyễn Văn A là 07%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 231/TgT, ngày 09/11/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế thành phố Cần Thơ kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Lê Thanh C là 03%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về hung khí số: 30/TgT, ngày 08/02/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế thành phố Cần Thơ kết luận thanh sắt

dài 1,28m, đường kính 0,8cm là hung khí được yêu cầu giám định có thể gây ra vết thương vùng trán phải, sây sát vùng trán trái, chấn thương vùng vai trái, phải cho Lê Thanh C.

Tại Bản án số 27/2021/HS-ST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh C 02 (hai) năm tù.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh Đ 01 (một) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

- + Buộc bị cáo Lê Thanh C bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn A số tiền 10.848.000 đồng.

- + Buộc bị cáo Lê Thanh C bồi thường thiệt hại cho bị cáo Bùi Minh Đ số tiền 24.027.000 đồng.

- + Buộc bị cáo Bùi Minh Đ bồi thường thiệt hại cho bị cáo Lê Thanh C số tiền 3.313.000 đồng.

Khấu trừ số tiền bị cáo C đã bồi thường cho bị hại A 1.500.000 đồng, cho bị cáo Đ 650.000 đồng và chuyển số tiền 10.000.000 đồng bị cáo C nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 008018 ngày 08/7/2021 để bồi thường cho bị hại A và bị cáo Đ, mỗi người 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho bị hại A 4.348.000 đồng, cho bị cáo Đ 18.377.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thanh C, Bùi Minh Đ và người bị hại Nguyễn Văn A kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Minh Đ vẫn giữ yêu cầu kháng cáo kêu oan vì bị cáo không đánh bị cáo C; đề nghị truy tố bị cáo C về tội giết người; yêu cầu giám định lại thương tích của bị cáo; không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bị cáo C; buộc bị cáo C bồi thường cho bị cáo tổng số tiền 372.047.000 đồng.

Người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C với tình tiết tăng nặng có tính chất côn đồ; yêu cầu giám định lại thương tích; yêu cầu bị cáo C bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 159.898.000đồng.

Bị cáo Lê Thanh C kháng cáo yêu cầu giảm mức hình phạt đối với bị cáo còn 06 tháng tù và cho bị cáo được hưởng án treo với các lý do: Bị cáo là người bị tấn công trước, bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, e, l, s Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh Đ cho rằng Cơ quan điều tra vi phạm tố tụng, cố ý làm sai lệch hồ sơ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường không có bị cáo Đ; biên bản không thu được hung khí; chị T không đủ tuổi để làm người chứng kiến; ông H là người chứng kiến ký tên trong biên bản nhưng không có mặt khi lấy lời khai (theo ông A khai); Kiểm sát viên vi phạm tố tụng, không tiến hành phúc cung, không chứng kiến việc đối chất. Kết luận giám định pháp y về thương tích chưa phù hợp với thương tích của bị cáo Đ và người bị hại A, hành vi của bị cáo Đ đối với bị cáo C không phải là cố ý chỉ là phòng vệ chính đáng. Bị cáo C chém bị cáo Đ vào vùng trọng yếu trong cơ thể thỏa dấu hiệu của tội giết người. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu: Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Việc yêu cầu giám định lại của bị cáo Đ và ông A là không có căn cứ. Việc xét xử bị cáo C theo khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo C về tội giết người. Hành vi của bị cáo Đ không phải là phòng vệ chính đáng bởi bị cáo Đ đã có hành vi dùng cây sắt đánh lại bị cáo C. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người bị hại, giữ y bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Bùi Minh Đ, Lê Thanh C (cũng là người bị hại trong vụ án) và người bị hại Nguyễn Văn A đều có đơn kháng cáo trong hạn luật định nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người bị hại được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị cáo và người bị hại: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Bị cáo Đ có đơn yêu cầu giám định thương tích và yêu cầu khởi tố ngày 08/10/2020 (BL02), cùng ngày 13/10/2020 Công an huyện C lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm (BL01) và Biên bản lấy lời khai (BL172 - 173); cả 02 biên bản này đều có chữ ký ghi tên Bùi Minh Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo

Đ xác định không có khiếu nại về hành vi của Cơ quan điều tra (BL378). Bị cáo Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh có việc sai phạm khi lập biên bản lấy lời khai ngày 13/10/2020 nên không có cơ sở để xem xét.

Bị cáo Đ và bị hại Nguyễn Văn A kháng cáo yêu cầu giám định lại mức độ tổn thương cơ thể, thấy rằng việc giám định được thực hiện trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có liên quan, bị cáo Đ và người bị hại cũng đã được Cơ quan điều tra thông báo kết luận giám định nhưng không có khiếu nại gì; lý do bị cáo Đ nêu ra để yêu cầu giám định lại là không có căn cứ để chấp nhận.

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện trước khi xảy ra xô xát ngày 03/10/2020 tại quán nhậu Q, bị cáo Đ, ông A và bị cáo C hoàn toàn không biết nhau. Ông A sau khi nghe bị cáo Đ kể lại việc cự cãi giữa Đ với chị T và C đã có ý định sau khi tới quán sẽ tìm T và C “để nói chuyện”. Khi tới quán, ông A và Đ không vào nhậu ngay mà đi tìm C và T, trong lúc tìm ông A nhiều lần la lớn “Ai sớm giờ ăn hiếp Đ em tao” với thái độ mà bản thân ông A cũng thừa nhận “Hơi hung dữ” (BL 382); không gặp T và C ở quán nhậu ông A xuống quán cà phê nơi T và C đang bán sau đó đã xảy ra cự cãi với C, ông A đã dùng tay đánh C, C bỏ chạy lên quán nhậu thì gặp bị cáo Đ và đã xảy ra xô xát giữa C với Đ và A. Lời khai của người làm chứng ông Ngô Chí D xác định: “Tôi thấy Đ dùng cây sắt đánh C”; C thừa nhận có dùng dao chém ông A và Đ. Bị cáo Đ thừa nhận cầm cây sắt quơ đánh trúng người bị cáo C nhiều cái nhưng không biết trúng đâu và cũng xác định C cầm dao chém trúng đầu bị cáo Đ 02 cái rồi bỏ chạy ra ngoài, lúc đó bị cáo Đ cũng ném bỏ cây sắt đã dùng đánh bị cáo C. Từ phân tích trên cho thấy xô xát xảy ra có một phần lỗi của ông A và bị cáo Đ, bị cáo C có dùng dao chém trúng vào đầu của bị cáo Đ nhưng không mong muốn bị cáo Đ chết và đã tự ý chấm dứt hành vi đánh nhau khi bị cáo Đ còn tỉnh táo dù không có ai can ngăn nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ và ông A về việc yêu cầu xét xử bị cáo C về tội giết người và áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất côn đồ.

Như vậy, với thương tích của các bị cáo và của người bị hại đã qua giám định, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự và bị cáo C về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Kháng cáo của bị cáo Đ cho rằng chỉ quơ thanh sắt để tự vệ là không phù hợp với thực tế, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không oan đối với hành vi bị cáo Đ đã thực hiện.

Qua diễn biến vụ việc như đã phân tích ở trên không có căn cứ để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo các điểm e, l theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo C. Các tình tiết về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ khác mà Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Đ và bị cáo C là phù hợp. Mức hình phạt đã tuyên đối với 02 bị cáo tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi

phạm tội. Kháng cáo của bị cáo C yêu cầu giảm án không có cơ sở để chấp nhận.

Về kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của ông A và của bị cáo Đ là không có căn cứ bởi lẽ: Sau thời gian điều trị vết thương tại bệnh viện, khi xuất viện bác sĩ không chỉ định thời gian ông A, bị cáo Đ phải nghỉ ngơi, kết luận giám định về thương tích vào ngày 04/11/2020, Trung tâm pháp y xác định các vết thương của ông A, bị cáo Đ đã lành, không ảnh hưởng đến chức năng, vận động bình thường nên yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập của bị hại A với thời gian 12 tháng, bị cáo Đ với thời gian 24 tháng là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu bồi thường thu nhập bị mất của bị hại A với thời gian 01 tháng, bị cáo Đ với thời gian 02 tháng với mức thu nhập trung bình của người lao động tự do là 7.500.000 đồng/tháng là phù hợp với thực tế. Đối với yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần, như đã nhận định ở trên ông A và bị cáo Đ cũng có lỗi, lẽ ra không buộc bị cáo C phải bồi thường phần này. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức bồi thường với số tiền bằng 01 tháng lương cơ sở là có lợi cho ông A và bị cáo Đ. Bị cáo C không có kháng cáo phần này nên không xem xét lại.

Bị cáo Đ có lỗi đã gây ra thương tích cho bị cáo C nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ về việc không đồng ý bồi thường cho bị cáo C với số tiền như án sơ thẩm đã tuyên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Do kháng cáo của người bị hại và của các bị cáo không được chấp nhận nên người bị hại và các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Minh Đ, Lê Thanh C và của người bị hại Nguyễn Văn A. Giữ y bản án hình sự sơ thẩm số 27/2021/HS-ST ngày 14/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện C.

1/ **Tuyên bố:** Bị cáo **Bùi Minh Đ** và bị cáo **Lê Thanh C** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

2/ Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

3/ Xử phạt bị cáo Lê Thanh C 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4/ Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Minh Đ.

5/ Xử phạt bị cáo Bùi Minh Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

**6/ Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Lê Thanh C bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn A số tiền 10.848.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thanh C bồi thường thiệt hại cho bị cáo Bùi Minh Đ số tiền 24.027.000 đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Minh Đ bồi thường thiệt hại cho bị cáo Lê Thanh C số tiền 3.313.000 đồng.

Khấu trừ số tiền bị cáo C đã bồi thường cho bị hại A 1.500.000 đồng, cho bị cáo Đ 650.000 đồng và chuyển số tiền 10.000.000 đồng bị cáo C nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 008018 ngày 08/7/2021 để bồi thường cho bị hại A và bị cáo Đ, mỗi người 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho bị hại A 4.348.000 đồng, cho bị cáo Đ 18.377.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**7/ Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thanh C phải chịu 1.636.000 đồng. Bị cáo Bùi Minh Đ phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Thanh C, Bùi Minh Đ và người bị hại Nguyễn Văn A mỗi người phải chịu 200.000 đồng.

8/ Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND CC tại TP. HCM;
- Viện KSND TP. Cần Thơ;
- Trại Tạm giam Công an TP. Cần Thơ;
- Cơ quan tổ tụng huyện C;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Vân**